

Số: /CTr-UBND

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH
Khuyến công giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

- Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

- Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 34/TTr-SCT ngày 29/8/2025 về việc phê duyệt Chương trình Khuyến công giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình Khuyến công giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, với những nội dung cụ thể như sau:

II. QUAN ĐIỂM

1. Tiếp tục triển khai các hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ. Kế thừa có chọn lọc những thành tựu đạt được trong giai đoạn trước, đồng thời bám sát Chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) phát triển sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao và thân thiện với môi trường.

2. Tập trung hỗ trợ các hoạt động hiệu quả như xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ưu tiên hỗ trợ các lĩnh vực công nghiệp chế tạo, chế biến; công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn (đặc biệt là chế biến nông - lâm - thủy sản); công nghiệp vật liệu xây dựng và sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

3. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ, phát huy tối đa lợi thế địa phương và đáp ứng nhu cầu thị trường. Hướng tới mô hình sản xuất tuần hoàn, giảm thiểu phát thải và hiệu ứng khí nhà kính. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ các địa bàn thực hiện chương trình nông thôn mới, các sản phẩm CNNT tiêu biểu, sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

4. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên thị trường. Hỗ trợ phát triển thị trường trong nước đối với các sản phẩm CNNT tiêu biểu, sản phẩm OCOP, sản phẩm có chứng nhận nhãn hiệu, cũng như các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh.

5. Tăng cường liên kết giữa các tỉnh, thành phố để trao đổi kinh nghiệm trong phát triển ngành và hoạt động khuyến công, vừa phát huy được thế mạnh của mỗi địa phương, đồng thời liên kết khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của vùng.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nhanh, hiệu quả, bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm CNNT.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Thúc đẩy hoạt động kết nối giao thương các sản phẩm CNNT; hình thành các sản phẩm, nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh trong các sản phẩm công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2026 - 2030

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển CNNT với các mục tiêu cụ thể như sau:

- Hỗ trợ ít nhất 58 cơ sở CNNT từ nguồn kinh phí khuyến công thông qua các hoạt động: 02 cơ sở xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới; 50 cơ sở ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất; 02 cơ sở xây dựng mô hình thí điểm sản xuất sạch hơn; 02 cơ sở sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường; hỗ trợ ít nhất 02 cơ sở CNNT có ngành nghề sản xuất sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh thực hiện đề án khuyến công điểm.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn, tuyên truyền và hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Nâng tỷ lệ chế biến sâu, chế biến tinh các sản phẩm công nghiệp từ nông, lâm, thủy sản của tỉnh lên từ 20% trở lên, ưu tiên các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh. Giảm ít nhất 15% mức tiêu thụ nguyên liệu và nhiên liệu trong sản xuất của các cơ sở CNNT. Giải quyết việc làm cho ít nhất 1.000 lao động nông thôn; mức doanh thu của các cơ sở CNNT sau khi được hỗ trợ tăng bình quân hơn 20% so với trước khi hỗ trợ.

- Tăng cường công tác phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu, phân đấu tổ chức bình chọn trên 50 sản phẩm đạt danh hiệu CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; 30 sản phẩm cấp khu vực; 10 sản phẩm cấp quốc gia.

- Tham gia 10 hội chợ triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong nước; hỗ trợ trên 50 lượt cơ sở CNNT tham gia trưng bày, giới thiệu và kết nối thị trường. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, hướng đến đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị, tập đoàn thương mại lớn và xuất khẩu. Thông qua các nội dung khuyến công hỗ trợ ít nhất 10 sản phẩm đạt các tiêu chuẩn xuất khẩu và 05 sản phẩm được xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

- Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT. Đa dạng hóa các hình thức thông tin truyền thông; tăng mạnh số lượng các cơ sở CNNT nắm bắt và chủ động tham gia chương trình; nâng cao năng lực và tổ chức thực hiện cho cán bộ, cộng tác viên khuyến công. Tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu, kết nối, liên thông, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu về khuyến công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

Đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

V. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp

- Tổ chức 03 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;
- Tổ chức 02 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn

- Hỗ trợ 02 cơ sở CNNT xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới;
- Hỗ trợ 02 cơ sở CNNT xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn;
- Hỗ trợ 50 cơ sở CNNT ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN (tùy vào tình hình thực tế triển khai hàng năm có thể xây dựng đề án nhóm hoặc đề án riêng lẻ);
- Hỗ trợ ít nhất 02 cơ sở CNNT có ngành nghề sản xuất sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh thực hiện đề án khuyến công điểm (thời gian thực hiện 03 năm).

3. Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu, hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm, các hoạt động xúc tiến thương mại khác

- Tổ chức 02 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh;
- Tham gia 03 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực;
- Tham gia 02 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia;
- Tham gia 10 hội chợ triển lãm hàng CN-TTCN trong nước.

4. Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin truyền thông khác

- Thực hiện 05 Chuyên đề Công Thương phát sóng trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Cà Mau (tần suất 04 tuần 01 kỳ phát sóng);

- Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp bằng các hình thức: tranh cổ động, tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm, sổ tay công tác khuyến công;

- Hỗ trợ duy trì, phát triển, nâng cấp trang thông tin điện tử của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

5. Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở CNNT

Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại 02 cơ sở CNNT.

6. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

- Tổ chức 05 lớp đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

- Tổ chức 05 chuyến khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước;

- Tham dự, tổ chức các hội thảo chuyên đề; hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá về hoạt động khuyến công hàng năm;

- Hỗ trợ duy trì và phát triển phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm CNNT của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công dự kiến 15 cộng tác viên/năm;

- Khảo sát, kiểm tra triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch khuyến công hàng năm.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các văn bản pháp luật, quy định cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương tiếp tục phối hợp với các sở, ngành tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định mới để triển khai thực hiện nhằm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện hoạt động khuyến công, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Xây dựng, ban hành kế hoạch hàng năm, quy trình, thủ tục nghiệp vụ để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, đề án khuyến công cấp tỉnh, cấp xã đúng quy định.

3. Kiến toàn tổ chức, bộ máy khuyến công theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động, đổi mới mô hình, cơ cấu tổ chức; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng hiện đại. Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức khuyến công, áp dụng công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác khuyến công vững vàng về chính trị, tư tưởng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với công tác khuyến công.

4. Tăng cường khảo sát thực tế các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để có giải pháp phù hợp hỗ trợ, khuyến khích phát triển CNNT.

5. Duy trì và tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan Báo, Đài của Trung ương và địa phương để thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công và CNNT; đặc biệt là chính sách hỗ trợ từ chương trình khuyến công để tạo sự quan tâm và đồng thuận của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân.

6. Tăng cường mối quan hệ với Trung tâm Khuyến công các tỉnh để trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác.

7. Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động khuyến công; khuyến khích động viên, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, tập thể, đơn vị có nhiều thành tích trong công tác khuyến công hàng năm và giai đoạn.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, vốn của cơ sở CNNT, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư, phát triển CNNT.

2. Hàng năm, căn cứ chương trình khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chế độ, định mức chi tiêu hiện hành, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khuyến công địa phương xây dựng dự toán kinh phí khuyến công cấp tỉnh, gửi Sở Công Thương tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Chương trình này và các chủ trương, chính sách có liên quan về công tác khuyến công; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện Chương trình và các hoạt động có liên quan.

- Trên cơ sở chương trình khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu kinh phí do các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp tỉnh đề xuất, tổng hợp dự toán chung trong dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công, kiện toàn và nâng cao năng lực các phòng nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác khuyến công.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng hoàn thiện các văn bản quy định về khuyến công trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành theo quy định.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về kết quả thực hiện Chương trình này và các mặt hoạt động khuyến công có liên quan trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ chương trình khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán kinh phí khuyến công cấp tỉnh do Sở Công Thương tổng hợp, Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền theo khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của pháp luật về ngân sách, pháp luật về đầu tư công.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực XX

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi cho đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn tuyên truyền, phổ biến chính sách khuyến công và các chính sách có liên quan đến người dân và các cơ sở CNNT trên địa bàn xã.

- Xây dựng, phê duyệt Chương trình khuyến công cấp xã; bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách cấp xã để tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công trên địa bàn cấp xã.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Có kế hoạch tăng tần suất, quy mô tuyên truyền, phổ biến, chủ trương, chính sách về khuyến công; giới thiệu phổ biến các mô hình hoạt động hiệu quả trong hoạt động khuyến công, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

6. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương lồng ghép các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ, đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

7. Đối với các tổ chức, cá nhân thụ hưởng chương trình khuyến công

- Tích cực đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, phát triển các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, áp dụng thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn, đề xuất và đăng ký để được xem xét, hỗ trợ từ chính sách khuyến công và các chính sách có liên quan.

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định.

8. Các cơ sở CNNT

Căn cứ vào nội dung Chương trình khuyến công giai đoạn, xây dựng, đăng ký đề án khuyến công cụ thể, thiết thực và tham gia thực hiện đạt hiệu quả.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện và gửi báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ 6 tháng, hàng năm về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định và đột xuất theo yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện Chương trình này, căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đề xuất của các đơn vị có liên quan cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Chương trình và Kế hoạch hàng năm, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và KC;
- BTT UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH (A);
- Lưu: VT, M.A01/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Chí Nguyên